

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Cao Minh Ngoan

2. Bà Lê Thị Chói

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Thanh Tr (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/12/2020, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Chị và anh Hồ Thanh Trữ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh Tr đi làm ăn và khoảng 3 năm nay thì không quan tâm, không liên lạc, không nói chuyện với chị mặc dù anh vẫn thường xuyên ghé về thăm gia đình.

Về con chung gồm có: Cháu Hồ Thị Thanh H, sinh ngày 07/02/2006 và cháu Hồ Thị Thanh N sinh ngày 24/8/2012.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị Hyêu cầu xin ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án để chấp nhận yêu cầu ly hôn và chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Tr vắng mặt dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Tr thấy rằng chị H và anh Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Tại thời điểm đăng

ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện và được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn do giữa anh, chị bất đồng quan điểm sống. Anh Tr đi làm ăn và khoảng 3 năm nay thì anh, chị đã ly thân nhau không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, anh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa để biết ý kiến, nguyện vọng, không tham gia hòa giải hàn gắn đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh Tr không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cũng không có thiện chí muốn hàn gắn được đoàn tụ. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr đã trầm trọng, thời gian ly thân đã khá dài, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại được nên yêu cầu xin được ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung gồm cháu Hồ Thị Thanh H, sinh ngày 07/02/2006 và cháu Hồ Thị Thanh N sinh ngày 24/8/2012. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân cả hai cháu đang do chị H nuôi dưỡng. Hai cháu cũng có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị H trong khi anh Tr không có ý kiến yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của hai cháu, cần chấp nhận giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng. Anh Tr chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Tr không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Hồ Thanh Tr.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đặng Thị H được nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Thanh H sinh ngày 07/02/2006 và cháu Hồ Thị Thanh N, sinh ngày 24/8/2012

cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tr chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Tr không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007616 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)**

LÊ THỊ THỌ